BSC

Thứ sáu, ngày 27 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Áp sát mốc 1,000 điểm

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/9/2019		●	
Tuần 30/9-4/10/2019		●	
Tháng 10/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nhờ lực mua gia tăng tại các mã bluechips trụ cột thị trường như GAS, VIC, VCB, VN-Index duy trì tốt đà hồi phục trong phiên sáng. Đến phiên chiều, chỉ số mở rộng biên độ tăng và áp sát mốc 1,000 điểm khi cổ phiếu VCB bứt phá ấn tượng. Thị trường có phiên giao dịch khả quan cùng với thanh khoản tăng mạnh trái ngược với xu hướng khu vực trước thông tin cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ - Trung sẽ diễn ra vào ngày 10/10. Bên cạnh đó, **tâm lí của nhà đầu tư không bị ảnh hưởng nhiều trước việc FTSE vẫn giữ Việt Nam trong danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi do điều này đã được lường trước**. Tuy vậy, việc nâng hạng thị trường vẫn sẽ là động lực cho sự đổi mới và cải thiện chính sách trong thời gian tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/09/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh. STB đang vận động tích lũy sau khi tạo đáy tại mốc 10. Thanh khoản giữ ở mức tích cực, trong khi chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu tăng trong trung hạn. Vận động tăng của STB có thể tạo động lực tăng lên giá chưng quyền của cổ phiếu này.

Danh mục i-Invest: Theme_ MSCI frontier 100 Việt Nam_0.7%. 9/15 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày khả quan. Đặc biệt, danh mục **MSCI frontier 100 Việt Nam** - có tính chất mô phỏng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong chỉ số của MSCI - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.7%.

Phân tích kỹ thuật: FCN_Phiên bứt phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PC1, KDH, VNM, TCB**

Điểm nhấn

• VN-Index +7.09 điểm, đóng cửa 997.84. HNX-Index +0.00 điểm, đóng cửa 104.77.
• Kéo chỉ số tăng: VCB (+2.11); VIC (+0.79); VHM (+0.60); SAB (+0.57); GAS (+0.56).
• Kéo chỉ số giảm: HPG (-0.08); REE (-0.06); PPC (-0.05); VCI (-0.04); PLX (-0.03).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,428 tỷ đồng, +10.3% so với phiên hôm trước.
• Biên độ dao động là 6.84 điểm. Thị trường có 152 mã tăng, 68 mã tham chiếu và 150 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: 46.74 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VRE (28.51 tỷ), POW (18.87 tỷ) và HDB (16.88 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị 1.18 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Đặng Hà My
mydh@bsc.com.vn
Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX	**997.84**
Giá trị: 3428.76 tỷ	7.09 (0.72%)
Khối ngoại (ròng): -46.74 tỷ	

HNX-INDEX	**104.77**
Giá trị: 299.31 tỷ	0 (0%)
Khối ngoại (ròng): -1.18 tỷ	

UPCOM-INDEX	**56.94**
Giá trị: 179.02 tỷ	-0.28 (-0.49%)
Khối ngoại(ròng): 8.85 tỷ	

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.5	0.21%
Giá vàng	1,497	-0.48%
Tỷ giá USD/VND	23,201	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,316	-0.35%
Tỷ giá JPY/VND	21,505	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	7.14%
LS TPCP 5 năm	3.1%	1.18%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	45.7	VCB	33.4
VCI	14.5	VHM	22.1
KDH	5.8	VRE	15.1
HCM	5.7	HPG	13.4
MSH	3.5	HDB	11.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

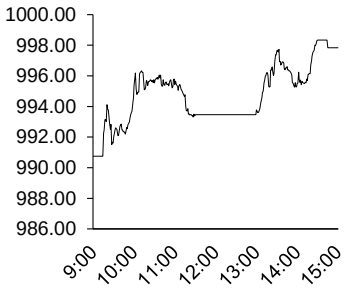


Sử dụng i-Invest tại đây	Link	*Hướng dẫn sử dụng*	Link
Bản công bố rủi ro	Link	*Video giới thiệu danh mục Chủ đề*	Link

* 9/15 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **MSCI frontier 100 Việt Nam** - có tính chất mô phỏng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong chỉ số của MSCI - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**.

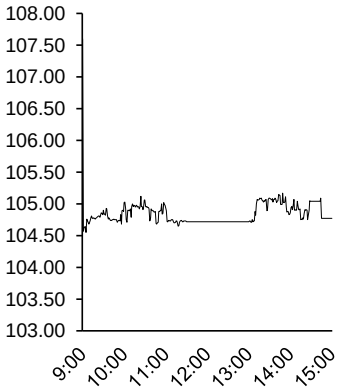
* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_0.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
MSCI frontier 100 Việt Nam	**0.7%**	1.2%	2.9%	3.7%	0.3%	1.9%	75.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	**0.7%**	2.4%	5.0%	9.4%	8.0%	3.4%	70.0%
BĐS & Khu công nghiệp	**0.6%**	0.5%	1.2%	5.4%	3.3%	-1.0%	63.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	**0.5%**	3.9%	3.5%	-3.5%	-8.1%	-19.2%	45.5%
Ngân hàng	**0.5%**	1.5%	6.0%	16.6%	7.2%	0.7%	83.4%
Nước & Năng lượng	**0.4%**	0.6%	2.0%	1.0%	3.0%	4.5%	59.0%
Hàng tiêu dùng	**0.3%**	0.9%	4.3%	10.9%	12.7%	6.4%	65.9%
Dầu khí	**0.1%**	-1.3%	-0.4%	-1.0%	1.2%	-15.5%	12.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	**0.1%**	1.1%	5.0%	13.7%	12.0%	1.3%	78.2%
Chiến tranh thương mại	**-0.1%**	0.7%	-2.3%	-4.1%	-3.5%	-4.4%	2.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	**-0.1%**	1.1%	-1.5%	-3.4%	3.5%	8.2%	45.2%
Lãi suất giảm	**-0.2%**	1.6%	2.9%	0.5%	-0.1%	-1.4%	56.3%
Xây dựng	**-0.4%**	2.5%	6.5%	4.4%	-4.7%	-11.3%	25.3%
Xây dựng & Vật liệu XD	**-0.4%**	0.2%	2.9%	0.0%	-4.9%	-13.4%	-9.8%
Vật liệu Xây dựng	**-0.8%**	-1.1%	1.2%	2.7%	2.0%	-5.5%	-1.3%
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 10	**1.4%**	0.4%	5.7%	14.1%	14.3%	2.5%	68.6%
Danh mục 2	**1.1%**	0.8%	5.6%	9.9%	7.4%	2.6%	73.3%
Danh mục 18	**0.9%**	0.1%	1.2%	2.9%	2.2%	2.6%	84.7%
Danh mục 15	**0.2%**	2.3%	6.9%	12.9%	10.0%	1.7%	71.2%
Danh mục 9	**0.0%**	0.7%	4.1%	12.7%	9.5%	2.4%	58.2%
*** Note**	**17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**						
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	**1.5%**	2.0%	0.1%	8.4%	9.8%	28.0%	173.9%
Danh mục 22	**1.2%**	1.0%	9.3%	19.5%	17.9%	6.0%	80.5%
Danh mục 24	**1.1%**	1.4%	6.0%	13.9%	12.5%	3.9%	70.7%
Danh mục 23	**0.3%**	1.1%	0.7%	4.6%	-0.2%	4.8%	106.8%
Danh mục 21	**0.3%**	-0.2%	5.3%	11.2%	10.8%	-3.1%	44.1%
*** Note**	**7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**						
INDEX							
VNINDEX	**0.7%**	**0.8%**	**2.1%**	**5.0%**	**1.7%**	**-1.7%**	**45.7%**
VN30INDEX	**0.7%**	**1.1%**	**4.3%**	**7.0%**	**2.7%**	**-6.1%**	**38.8%**

Bảng 1
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Ô tô và phụ tùng	-0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Truyền thông	0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Dầu khí	0.2%
Du lịch và Giải trí	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.5%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%
Bất động sản	0.7%
Bảo hiểm	0.9%
Hóa chất	1.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.1%
Y tế	1.1%
Ngân hàng	1.1%
Công nghệ Thông tin	1.1%
Bán lẻ	1.4%

Nguồn: FiinPro

***Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link: https://invest.bsc.com.vn/#/login**
***Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.**

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

FCN_Phiên bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: Cổ phiếu FCN đã hình thành xu hướng hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 12. Thanh khoản cổ phiếu đồng thuận với nhịp tăng bước giá và vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho lên thấy xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên dải mây ichimoku cho thấy nhịp tăng giá trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, FCN nhiều khả năng sẽ hồi phục vùng kháng cự cũ 14.5-15 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PC1_Hồi phục mạnh	Link
KDH_Bứt phá	Link
VNM_Tăng giá	Link
TCB_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 27/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 27/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.40	-0.27%	-3.00%	2.66%	-21.81%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.39	0.05%	-3.15%	4.81%	-23.67%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.65	1.83%	-2.75%	0.24%	-20.58%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1505.39	0.10%	0.52%	-2.31%	27.43%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.85	-0.39%	0.46%	-1.70%	25.72%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	889.56	-0.17%	-0.38%	5.12%	4.04%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	483.75	1.36%	-0.87%	2.11%	-5.70%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.28	0.11%	0.16%	3.86%	13.47%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	163.80	-0.43%	-3.65%	4.66%	16.67%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.63	-1.44%	5.82%	3.47%	15.72%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.15	1.94%	1.94%	-0.94%	-1.87%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	100.85	-0.10%	2.54%	7.52%	1.56%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.57	-1.33%	-0.98%	0.87%	-7.20%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3715.00	-1.43%	-2.49%	-0.13%	-18.60%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1752.00	-0.60%	-1.88%	-0.51%	-13.69%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	91.00	-1.09%	-4.71%	3.41%	30.94%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.25	1.69%	-1.35%	4.45%	-39.54%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Kết thúc phiên, dầu Brent nhích nhẹ 0.6% (35 US cent) lên 62.74 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas giảm 8 US cent xuống 56.41 USD/thùng.
• Giá dầu gần như không thay đổi vào lúc đóng cửa phiên vừa qua sau khi thông báo từ Lầu Năm góc làm gia tăng lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung do xung đột ở Trung Đông (yếu tố hỗ trợ giá), nhưng những chi tiết mới liên quan đến cuộc điều tra luận tội Tổng thống Mỹ Donald Trump lại gây lo ngại nhu cầu giảm.
• Bộ Quốc phòng Mỹ thông báo sẽ triển khai các hệ thống như radar, tên lửa patriot và cử khoảng 200 binh sĩ tới để tăng cường bảo vệ Saudi Arabia sau khi nước này bị tấn công (vào các cơ sở lọc dầu) hồi đầu tháng này. Trong khi đó, Ủy ban Tình báo Hạ viện Mỹ đã công bố bản giải mật mã về việc cáo buộc Tổng thống Mỹ Donald Trump lôi kéo sự tham gia của nước ngoài can thiệp vào cuộc bầu cử năm 2020. Giá dầu cũng chịu áp lực bởi Saudi Arabia phục hồi sản lượng nhanh hơn dự kiến.

Giá vàng

• Vàng giao ngay cuối phiên tăng 0.3% lên 1,507.87 USD/ounce, trong khi vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 0.2% lên 1,515.20 USD/ounce.
• Sau khi giảm gần 2% trong phiên trước, giá vàng tăng trở lại trong phiên vừa qua do hoạt động mua của các nhà đầu cơ tăng, mặc dù đà đi lên bị kiềm chế bởi USD tăng giá. Vàng bị giảm sức hấp dẫn khi đồng USD tăng lên mức cao nhất gần 3 tuần bởi những bất ổn chính trị ở Mỹ xuất phát từ cuộc điều tra luận tội ông Trump đã khiến nhà đầu tư chuyển trọng tâm sang đồng USD. Mặc dù vậy, triển vọng giá vàng được đánh giá là vẫn tích cực.

Giá quặng sắt

• Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 2.2% lên 637 CNY (89.39 USD)/tấn vào cuối phiên giao dịch, đầu phiên có lúc giá tăng 3%; quặng sắt hàm lượng 62% nhập khẩu vào Trung Quốc giá vững ở 93 USD/tấn; quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2019 trên sàn Singapore tăng 2.3% lên 88.89 USD/tấn.
• Thép không gỉ cũng tăng trong phiên vừa qua: kỳ hạn tháng 2/2019 trên sàn Thượng Hải tăng 1% lên 15,750 CNY/tấn, trái với sự sụt giảm của phiên trước. Tuy nhiên, thép cây dùng trong xây dựng trên sàn Thượng Hải giảm 1.4% xuống 3,445 CNY/tấn, thép cuộn cán nóng cũng giảm 1.7% xuống 3,460 CNY/tấn.

Giá nông sản

• Giá dầu cọ thô kỳ hạn tương lai tại Châu Âu dự báo sẽ tăng lên 620 USD/tấn (tương đương 570 USD/tấn, FOB) trong quý 2/2020 do tồn trữ giảm. Đó là dự báo của James Fry, chủ tịch công ty tư vấn hàng hóa LMC International.
• Giá gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ tuần này ở mức 371 – 375 USD/tấn, so với 373 – 379 USD/tấn của tuần trước; gạo 5% tấm của Việt Nam tăng từ 325 USD/tấn (thấp nhất kể từ tháng 11/2007) lên 335 USD/tấn; trong khi gạo cùng loại của Thái Lan hiện 400 – 420 USD/tấn, so với 400 – 418 USD/tấn của tuần trước.

Giá cao su

• Giá cao su đồng loạt giảm trên các sàn giao dịch Châu Á. Tại Tokyo, hợp đồng kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.5 JPY (0.0046 USD) tương đương 0.3% xuống 166.3 JPY/kg; kỳ hạn tháng 1/2020 tại Thượng Hải giảm 75 CNY (10.52 USD) tương đương 0.6% xuống 11,730 CNY/tấn; loại TSR20 của Trung Quốc giảm 0.7% xuống 9,980 CNY/tấn, trong khi tại Singapore giá 129.8 US cent/lb (kỳ hạn tháng 10/2019).

ẤM NƯỚC RIÊNG CỦA MỖI NGƯỜI

🔷🔷🔷 Ngày ra trường, cha mẹ cho vài tỷ làm vốn kinh doanh, chàng trai trẻ tự tin đầu tư vào thị trường chứng khoán với những dự định và mục tiêu của riêng mình. Nhưng sau vài năm, anh trắng tay và gặp rất nhiều rắc rối. Một hôm, anh gặp được một người thông thái.
Sau khi nghe xong câu chuyện của chàng trai, người thông thải bình thản nói: “Cậu hãy nấu cho tôi một ấm nước sôi đi”. Chàng trai nhìn thấy ấm nước lớn ở góc nhà và một bếp nhỏ nhưng không có củi do đó anh phải ra ngoài để tìm củi đốt.
Chàng thanh niên trở về với một ít nhánh cây khô nhưng ấm nước lại quá to và chứa đầy nước. Vì vậy, khi đang đun nước thì lửa bị tắt. Không còn sự lựa chọn nào khác, anh đành ra ngoài tìm thêm củi đốt. Đợi khi có đủ củi khô thì ấm nước đã bị nguội lạnh.
Rút kinh nghiệm, lần này anh tìm đủ lượng củi cần dùng trước khi nhóm bếp nấu nước.
Lúc này, người thông thái đột nhiên hỏi anh ta:” Nếu không có đủ củi để đun nước thì cậu sẽ làm thế nào?” Chàng trai suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu trả lời rằng anh không biết. Người thông thái nói tiêp: “Vậy sao không đổ bớt nước trong ấm ra ngoài đi?”

📌📌📌 Hàng loạt câu hỏi hiện ra trong đầu chàng trai và anh chợt nhận ra nguyên nhân thất bại của mình.
Tại sao lại không đủ củi đốt? - Bởi vì anh đã đặt ra mục tiêu cho mình quá cao.
Tại sao mục tiêu đặt ra là quá sức? - Là do có quá nhiều sự lựa chọn, cám dỗ, ham muốn cũng như sự háo hức muốn thành công.
Tại sao bếp lại nhỏ? - Đó chính là do thời gian và năng lực của bản thân là hữu hạn.
Tại sao củi kiếm được không đủ dùng? - Bởi vì nguồn lực là hạn chế và sự chuẩn bị chưa được kỹ lưỡng.

Cuộc sống có đầy cám dỗ, rất nhiều cơ hội và rất nhiều lựa chọn mở ra trước mắt ta. Nhưng chúng chỉ khiến tâm ta trở nên náo loạn, lòng ham muốn bị phình to ra. Chàng trai trẻ đặt ra mục tiêu to lớn cho chính mình và muốn đun một ấm nước lớn. Nhưng mỗi người chúng ta đều có một Ấm nước riêng của mình. Làm sao để ấm nước ấy sôi đây?
Ở thị trường chứng khoán, ấm nước riêng của bạn là mục tiêu, là tiền vốn, là thời gian đầu tư, là mức độ rủi ro mà bạn có thể chịu đựng được. Hãy để chúng tôi giúp bạn đun sôi ấm nước ấy với BSC i-Invest.

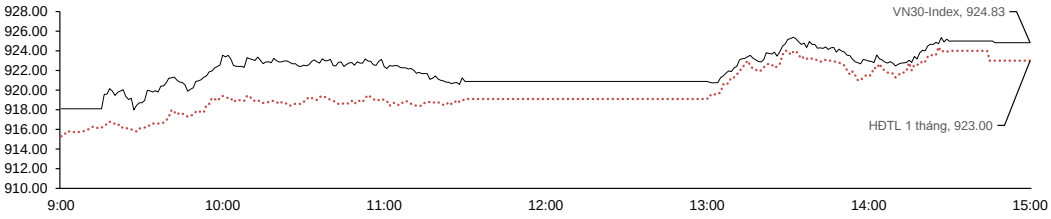


BSC

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intradday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	22.15	2.31	1.20
MWG	128.00	1.59	0.80
VCB	82.90	2.35	0.79
FPT	58.50	1.39	0.61
MSN	79.40	1.15	0.59

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	22.2	-0.45	-0.23
REE	39.0	-1.64	-0.15
STB	10.7	-0.47	-0.12
GMD	27.7	-0.72	-0.07
CTD	95.4	-0.93	-0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	923.00	0.75%	-1.83	19.3%	87144	10/17/2019	20
VN30F1911	921.10	0.69%	-3.73	-54.2%	216	11/21/2019	55
VN30F1912	919.40	0.81%	-5.43	221.1%	366	12/19/2019	83
VN30F2003	920.90	0.78%	-3.93	688.2%	599	3/19/2020	174

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 6.73 điểm lên mức 924.83 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, MWG, VCB, FPT, và MSN tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 tăng điểm tích cực từ đầu phiên sáng vượt qua mốc 920 điểm, tích lũy tại mốc 922 điểm về cuối phiên. VN30 giằng co tại 924 điểm sau khi tiếp tục tăng mạnh vào đầu phiên chiều. Thanh khoản giữ tại mức tích cực và các chỉ báo động lượng cho thấy dư địa tăng vẫn còn trong trung hạn, dự kiến kiểm tra mốc 930 điểm trong những phiên tới.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F1910 giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CVRE1901	KIS	11/14/2019	48	2:1	252,820	-23.5%	5.0 triệu	27.30%	1,900	900	12.50%	14.40
CMWG1903	HSC	12/30/2019	94	5:1	203,630	82.6%	1.8 triệu	20.15%	2,700	7,360	5.29%	6,821.80
CMWG1904	SSI	12/30/2019	94	1:1	143,560	1187.5%	2.0 triệu	20.15%	14,000	42,500	4.94%	39,094.70
CFPT1903	SSI	12/30/2019	94	1:1	105,090	290.1%	1.0 triệu	4.75%	6,000	15,140	3.70%	13,918.90
CHPG1906	KIS	11/14/2019	48	2:1	30,910	-30.0%	2.0 triệu	28.62%	1,500	590	3.51%	5.80
CMBB1902	HSC	12/17/2019	81	1:1	182,010	28.5%	1.0 triệu	18.96%	3,200	3,680	2.22%	1,477.80
CVIC1901	KIS	11/14/2019	48	5:1	235,920	349.5%	5.0 triệu	20.78%	1,960	1,440	2.13%	13.70
CFPT1904	MBS	11/19/2019	53	3:1	189,200	190.4%	2.0 triệu	4.75%	1,700	2,950	1.72%	2,313.40
CDPM1901	KIS	1/9/2020	104	3:1	31,500	-	5.0 triệu	-	1,900	2,080	0.00%	-
CNVL1901	KIS	2/7/2020	133	3:1	55,140	-	2.5 triệu	-	1,900	2,900	0.00%	-
CSTB1901	KIS	1/9/2020	104	3:1	93,370	-	3.0 triệu	-	1,390	1,630	0.00%	-
CVHM1901	KIS	2/7/2020	133	3:1	108,650	-	1.5 triệu	-	3,100	4,190	0.00%	-
CMWG1902	VND	12/11/2019	75	4:1	36,760	26.8%	5.0 triệu	20.15%	2,990	10,330	-0.67%	9,718.60
CREE1901	MBS	11/19/2019	53	3:1	182,190	4.7%	3.0 triệu	22.48%	1,260	1,820	-1.62%	777.10
CHPG1905	SSI	12/30/2019	94	1:1	115,790	-22.1%	1.0 triệu	28.62%	3,300	2,710	-2.17%	994.30
CMSN1901	KIS	11/14/2019	48	5:1	109,590	-23.9%	2.0 triệu	22.94%	1,920	1,390	-2.80%	65.90
CVNM1901	KIS	12/13/2019	77	10:1	1,161,200	213.8%	1.5 triệu	19.68%	1,200	820	-6.82%	8.30
CHPG1902	KIS	12/11/2019	75	5:1	591,410	899.2%	1.0 triệu	28.62%	1,000	230	-20.69%	-

Chú thích: ****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes*** ***CR: Tỷ lệ chuyển đổi***
Lãi suất phi rủi ro là 4.75% ***Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn***

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE1901	44,688	40,888	33,250
CMWG1903	25,800	95,000	128,000
CMWG1904	165,000	90,000	128,000
CFPT1903	56,154	45,140	58,500
CHPG1906	31,088	28,088	22,150
CMBB1902	26,300	21,800	22,700
CVIC1901	150,688	140,888	119,800
CFPT1904	57,100	52,000	58,500
CDPM1901	19,688	13,988	13,550
CNVL1901	67,788	62,088	63,000
CSTB1901	15,058	10,888	10,650
CVHM1901	99,188	89,888	89,300
CMWG1902	48,130	90,000	128,000
CREE1901	41,330	37,550	39,000
CHPG1905	93,300	23,100	22,150
CMSN1901	98,488	88,888	79,400
CVNM1901	46,340	156,285	130,100
CHPG1902	166,285	41,999	22,150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 27/09/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CHPG1902 giảm mạnh nhất 20.69. CVRE1901 tăng mạnh nhất 12.50%. Thanh khoản thị trường tăng 89.98%. CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 30% thị trường.

• Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. STB đang vận động tích lũy sau khi tạo đáy tại mốc 10. Thanh khoản giữ ở mức tích cực, trong khi chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu tăng trong trung hạn. Vận động tăng của STB có thể tạo động lực tăng lên giá chưng quyền của cổ phiếu này.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	128.0	1.6%	0.7	2,464	7.1	7,893	16.2	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	81.1	0.5%	1.0	785	1.1	4,727	17.2	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	73.3	1.4%	1.3	2,234	1.0	1,505	48.7	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.4	-0.6%	0.7	336	0.2	3,061	10.9	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	119.8	0.7%	1.1	17,428	1.4	1,643	72.9	4.9	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	33.3	1.5%	1.1	3,367	8.4	1,033	32.2	2.7	31.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.0	1.3%	0.8	2,549	0.7	3,579	17.6	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	39.0	-1.6%	1.0	526	2.3	5,261	7.4	1.3	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.2	1.5%	1.4	390	1.5	3,744	4.6	1.1	46.7%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.2	2.4%	1.3	512	4.0	1,997	11.6	1.3	56.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	-2.2%	1.0	250	0.0	5,067	6.9	1.6	38.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.5	-1.4%	1.4	325	1.6	1,434	17.0	1.8	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	58.5	1.4%	0.8	1,725	6.4	4,349	13.5	3.0	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	-2.2%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	105.0	1.0%	1.5	8,738	2.2	6,066	17.3	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.5	-0.2%	1.5	3,132	0.9	3,350	18.1	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	19.6	-2.5%	1.7	407	1.4	2,397	8.2	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.3	-1.1%	0.8	1,254	0.5	1,163	8.0	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.5	1.7%	0.5	532	0.0	4,616	20.3	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.6	-0.4%	0.7	231	0.2	853	15.9	0.7	19.2%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.6	0.7%	0.6	174	0.3	897	8.4	0.6	2.4%	7.3%
VCB	Ngân hàng	82.9	2.3%	1.3	13,368	5.0	4,729	17.5	4.0	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.3	0.2%	1.5	5,983	1.5	2,091	19.2	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.2	0.0%	1.6	3,424	2.2	1,470	14.4	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.2	2.3%	1.2	2,366	3.8	2,989	7.4	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.7	0.4%	1.1	2,253	4.2	3,215	7.1	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.2	-0.4%	1.1	1,635	2.2	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	50.6	-2.7%	0.9	180	0.5	5,017	10.1	1.7	77.8%	17.1%
NTP	Nhựa	38.4	0.3%	0.3	149	0.1	4,490	8.6	1.4	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.9	0.0%	1.2	661	0.0	732	23.1	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.2	-0.4%	1.0	2,659	3.1	2,760	8.0	1.4	38.0%	19.9%
HSG	Thép	6.5	1.1%	1.5	120	0.5	425	15.4	0.5	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	130.1	0.1%	0.8	9,850	6.7	5,465	23.8	8.0	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	266.5	1.1%	0.8	7,430	0.1	6,735	39.6	9.7	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	79.4	1.1%	1.2	4,035	2.0	3,304	24.0	3.0	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.0	-0.3%	0.5	410	0.9	542	33.1	1.6	6.1%	4.9%
ACV	Vận tải	77.2	1.8%	0.8	7,307	0.1	2,630	29.4	5.5	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	136.6	0.4%	1.1	3,111	2.6	9,850	13.9	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	32.8	-0.2%	1.7	2,023	0.3	1,747	18.8	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.7	-0.7%	0.8	358	0.5	1,888	14.7	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.3	-1.4%	0.6	212	1.1	2,435	7.1	1.2	30.6%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	105.6	1.5%	0.9	720	2.0	7,667	13.8	5.4	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	0.0%	0.8	376	0.2	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	0.0%	0.8	251	0.0	1,657	9.1	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	95.4	-0.9%	0.7	316	0.2	13,535	7.0	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.2	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	21.4	3.1%	0.5	231	1.7	387	55.3	1.1	51.5%	1.9%
POW	Điện	12.7	3.3%	0.6	1,293	1.7	820	15.5	1.2	14.6%	7.8%
NT2	Điện	24.0	-0.2%	0.6	300	0.3	2,241	10.7	1.7	20.0%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	82.90	2.35	2.08	1.39MLN
VIC	119.80	0.67	0.79	264300.00
VHM	89.30	0.68	0.59	384950.00
SAB	266.50	1.14	0.57	9830.00
GAS	105.00	0.96	0.57	489500.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	101.30	9.99	0.09	400.00
NVB	8.50	2.41	0.08	874100.00
DL1	25.50	6.69	0.08	100.00
VCS	105.60	1.54	0.05	430200.00
MBG	29.10	9.81	0.05	31800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	22.15	-0.45	-0.08	3.19MLN
REE	39.00	-1.64	-0.06	1.31MLN
PPC	26.00	-1.89	-0.05	469400.00
VCI	35.00	-2.23	-0.04	4600.00
PLX	60.50	-0.17	-0.04	338900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	-0.43	-0.17	2.16MLN
PVS	19.60	-2.49	-0.13	1.63MLN
SHB	6.60	-1.49	-0.11	1.98MLN
IDV	35.00	-5.41	-0.02	11300.00
HUT	2.40	-4.00	-0.02	1.21MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGT	6.74	6.98	0.01	38990.00
PGD	35.25	6.98	0.06	530.00
TN1	59.90	6.96	0.02	1100.00
TPC	10.30	6.96	0.01	80.00
LAF	8.02	6.93	0.00	5200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	14.3	0.01	724900.00
HHC	101.30	10.0	0.09	400.00
CTB	32.00	10.0	0.02	600.00
PPY	17.70	9.9	0.00	1800.00
MBG	29.10	9.8	0.05	31800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	28.60	-6.99	-0.02	20.00
DTL	26.00	-6.98	-0.04	10.00
DIC	2.15	-6.93	0.00	325540.00
DXV	3.25	-6.88	0.00	2580.00
NAV	7.73	-6.87	0.00	500.00

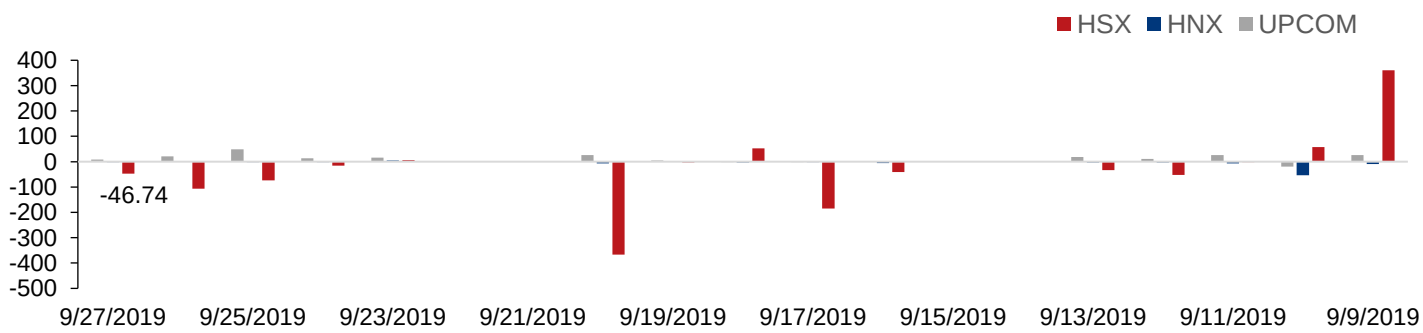
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	-20.00	0.00	325800.00
NSH	1.80	-10.00	0.00	91000.00
PBP	9.00	-10.00	0.00	100.00
STC	11.70	-10.00	0.00	200.00
TJC	6.30	-10.00	0.00	1000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



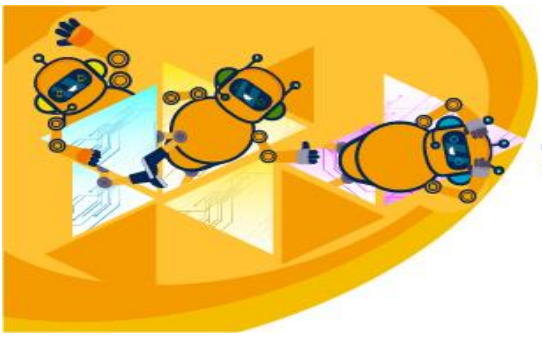
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	130.1	5,465	23.8	8.0	Click
2	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,680	8.4	1.6	Click
3	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	39.0	5,261	7.4	1.3	Click
4	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.0	18,865	4.2	1.6	Click
5	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.7	2,076	4.7	0.6	Click
6	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.2	4,469	5.2	1.2	Click
7	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.4	1,098	13.1	1.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	82.9	4,729	17.5	4.0	Click
9	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.7	1,295	18.3	1.8	Click
10	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.7	3,215	7.1	1.4	Click
11	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.1	2,801	20.4	3.4	Click
12	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.7	1,888	14.7	1.3	Click
13	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.2	3,705	7.6	2.0	Click
14	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	58.5	4,349	13.5	3.0	Click
15	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.7	649	21.1	1.2	Click
16	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	128.0	7,893	16.2	5.4	Click
17	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	81.1	4,727	17.2	4.4	Click
18	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	56.7	5,276	10.7	3.1	Click
19	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	27.5	4,234	6.5	0.9	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	23.2	4,469	5.2	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây	Link	***Hướng dẫn sử dụng***	Link
Bản công bố rủi ro	Link	***Video hướng dẫn sử dụng***	Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **22724**; Giá tại Publish **21250** Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ấn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giả định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **28500;** Giá tại Publish **30100** BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kẽm thế giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ắc quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ắc quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **138500;** Giá tại Publish **120600** Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng. □
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish **47400** Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất dược lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 lọ/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 lọ/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **N/A;** Giá tại Publish **81900** Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước).Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:	*Chức vụ*	*Địa chỉ email*
Vũ Thanh Phong	Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC	phongvt@bsc.com.vn
Trần Thành Hưng	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	hungtt@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Dương	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	duongnh@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Nguyên	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	nguyennh@bsc.com.vn